TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

Số: 159 /2023/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T ngày 28 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T ; Sinh năm: 1985

Bị đơn: Chị Bùi Thị Tr; Sinh năm: 1987
Đều trú tại: thôn Đ, xã X, huyện T, T.

Căn cứ vào và khoản 3,4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/ 6/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/6/2023 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Tr.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Tr đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.
- Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung, là cháu Lê Văn K, sinh ngày 09/01/2010 và cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 04/01/2018 sau khi ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận: anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lê Văn Khải cho đến khi cháu trưởng thành. Chị Bùi Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Quỳnh Như cho đến khi cháu trưởng thành. Không ai cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Anh Lê Văn T và chị Bùi Thị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận anh Lê Văn T chịu T bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0014736 ngày 30/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T
- P.Ktra nghiệp vụ vàTHAHSTAND tỉnh T
- UBND xã X, huyện T, T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

CAO HỒNG ĐỨC